

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 832/TTr-TNMT ngày 19/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn Động (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo

¹ Thành lập theo Quyết định số 1136/QĐ-TNMT ngày 10/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Sơn Động, UBND xã An Lạc, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sơn Động và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM XÃ
AN LẠC, HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
- Địa điểm thực hiện: xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn Động.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Trên cơ sở mặt đường hiện trạng tuyến đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang thực hiện đầu tư mở rộng nền mặt đường đảm bảo chiều rộng nền đường 9,0m và chiều rộng mặt đường 7,0m; chiều dài tuyến khoảng 12,5km. Điểm đầu tại Km0+00 giao với QL279 tại Km57+250; điểm cuối tại Km12+484,86 giao với đường vào UBND xã An Lạc.

- Quy mô của dự án: Theo thực tế hiện trạng của tuyến đường cần đầu tư và khả năng nguồn vốn đầu tư hạn chế (theo kế hoạch số 379/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025) nên để đảm bảo hiệu quả đầu tư thì dự án được thực hiện thiết kế theo quy mô mở rộng nền mặt đường cũ hiện trạng với giải pháp cơ bản giữ nguyên hiện trạng mặt đường cũ và mở rộng về một hoặc hai bên mặt đường cũ, đảm bảo sau khi mở rộng tuyến đường có chiều rộng nền đường $B_{nền}=9,0m$, bề rộng mặt đường $B_{mặt}=7,0m$, lề đường $2x1,0=2,0m$ (tương đương đường cấp III miền núi).

- Tổng mức đầu tư: 55.300.000.000 đồng.
- Diện tích thực hiện dự án: 14,88ha.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, công trình ngầm và hệ thống an toàn giao thông, kết cấu mặt đường mở rộng bằng bê tông xi măng.

- Hoạt động của dự án đầu tư:
 - + Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.
 - + Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên với diện tích 4.000 m² và đất rừng phòng hộ với diện tích 900m² là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng 148.800 m² trong đó diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 2 vụ: 4.000m²; diện tích đất rừng phòng hộ: 900 m²; diện tích đất khác: 143.900m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Phát quang thảm thực vật; phá dỡ các công trình hiện trạng,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công và đất, đá đổ thải:

+ Bụi từ quá trình đào đắp nền đường; bụi từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng; bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển đất đá, chất thải phá dỡ công trình hiện trạng đi đổ thải; vận chuyển nguyên vật liệu san nền; vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng; bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc thi công trên công trường; bụi từ hoạt động cấp phối đá dăm.

+ Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực; nước thải thi công; nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường.

+ Chất thải rắn thông thường: chất thải do hoạt động phát quang thảm thực vật; chất thải từ đào đắp, nạo vét hữu cơ; chất thải từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng; chất thải xây dựng.

+ Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng (gồm: Dầu động cơ bôi trơn tổng hợp thải; bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu mỡ; bao bì, vỏ thùng có chứa chất thải nguy hại; pin, ắc quy thải; bao bì cứng thải bằng nhựa (can nhựa).

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

- Tác động của bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trên tuyến đường; bụi cuốn theo bánh xe khi di chuyển trên mặt đường.

- Tác động do chất thải rắn thông thường phát sinh từ các phương tiện lưu thông trên tuyến đường, đất, cát, đá và các dạng khác rơi vãi từ phương tiện vận chuyển trên tuyến đường; chất thải rắn thông thường phát sinh từ người đi đường, từ cây cối hai bên đường.

- Tác động do nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường dự án rửa trôi, cuốn theo các chất bẩn vào hệ thống thoát nước khu vực dự án.

- Tác động tới môi trường kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động do sự cố tai nạn giao thông trên tuyến đường; sự cố ngập úng; sự cố cháy nổ; sự cố sụt lún; sự cố lấn chiếm lòng, lề đường;...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án

3.1.1. Nước thải, khí thải

** Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2,5 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

- Nước thải thi công bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị khoảng 1,2 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD,...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

** Khí thải:*

- Bụi từ quá trình đào đắp nền đường; từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển đất đá, chất thải phá dỡ công trình hiện trạng đi đổ thải; vận chuyển nguyên vật liệu san nền; vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc thi công trên công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi muội, VOC...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải do hoạt động phát quang thảm thực vật; đào đắp, nạo vét hữu cơ:

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật khoảng 5,97 tấn. Thành phần chủ yếu là cây cối, thực vật,...

+ Đất đào phát sinh khoảng 106.704m³, trong đó: đất đào tận dụng lại cho dự án khoảng 61.205,98m³; đất, đá đào dư thừa vận chuyển đi ra khỏi dự án khoảng 45.498,02m³, trong đó: Đất đào cấp 1 và đất cấp 2 phát sinh khoảng 26.776 m³; đất đào cấp 3 không tận dụng hết phát sinh khoảng 21.864 m³; Đá cấp 4 thải phát sinh khoảng 1.320m³.

- Chất thải từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng phát sinh khoảng 1.512 m³. Thành phần chủ yếu bê tông, gạch vỡ,...

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công xây dựng khoảng 12,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng như vật liệu thừa, đất đá do xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ,...phát sinh khoảng 0,16 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu là dầu thải động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì vỏ thùng có chứa thành phần nguy hại, pin ắc quy thải, bao bì cứng thải bằng nhựa (can nhựa),... phát sinh khoảng 87 kg/năm.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công, xây dựng; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án

3.1.4. Các tác động khác

- Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và công trình khác; tác động do chiếm dụng kênh mương; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố về an toàn lao động; Sự cố tai nạn giao thông; Sự cố do thiên tai; Sự cố do nguy cơ sạt lở, sụt lún; Sự cố cháy nổ; Sự cố nổ bom mìn tồn lưu từ chiến tranh;...

3.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước mưa chảy trên bề mặt dự án sẽ rửa trôi, cuốn theo các chất bẩn như đất, bụi cát, dầu mỡ bám trên mặt đường, rác (vật liệu rơi, lá cây...) vào đường thoát nước của dự án, dẫn tới ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước và chất lượng các dòng nước mặt trong khu vực.

* Bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trên tuyến đường dự án có các thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC....

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

Chất thải rắn chủ yếu là do rác thải từ các phương tiện lưu thông trên tuyến đường vớt rác bờ bãi dọc theo tuyến đường; chất thải rắn do đất, cát, đá và các loại vật liệu khác rơi vãi trong quá trình vận chuyển,...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái.

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông trên tuyến đường; sự cố ngập úng; sự cố cháy nổ; sự cố sụt lún; sự cố lún chiếm lòng, lề đường;...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động có bể chứa chất thải dung tích từ 3 m³/bể. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng hút chất thải tại bể chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 03 ngày/lần hoặc khi bể chứa chất thải đầy. Khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, các nhà vệ sinh sẽ được tháo dỡ di chuyển đến lắp đặt tại các công trình khác.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng:

+ Không tập trung các loại nguyên vật liệu gàu, cạnh các tuyến thoát nước. Định kỳ hàng ngày kiểm tra, nạo vét, khơi thông đường thoát nước để ngăn ngừa tắc nghẽn.

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị: Bố trí khoảng 04 thùng phuy dung tích 200 lít/thùng phục vụ chứa nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị, sau đó được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc đập bụi tại chỗ khu vực thi công khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

+ Thực hiện tập kết vật liệu theo tiến độ thi công: Thi công đến đâu tập kết vật liệu xây dựng đến đâu để hạn chế ảnh hưởng tới dòng chảy.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến thu gom và thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời được bố trí để thoát nước không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án. Bố trí rãnh đất thoát nước mưa tạm thời kích thước B400 đến B600 hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế.

+ Ưu tiên thi công hệ thống rãnh thoát nước ngang, thoát nước dọc, hố ga dọc tuyến trước.

+ Thường xuyên kiểm tra mương thoát nước, công thu gom, nạo vét bùn tại các hố ga với tần suất 01 lần/tuần và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn đường công thoát nước, tránh nguy cơ gây ngập úng.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Không ché khoảng cách tối thiểu giữa các xe vận chuyển nguyên vật liệu tối thiểu là 200m để hạn chế bụi.

- Bố trí xe tưới, thực hiện tưới nước trên cung đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng, đất đào đắp, vận chuyển đất đá đi đổ thải, đến nơi san lấp đặc biệt đoạn đi qua khu vực đông dân cư với chiều dài khoảng 1,5 km. với tần suất tưới nước từ 2 - 4 lần/ngày trong khu vực thi công và tần suất 4-6 lần/ngày

trong giai đoạn đổ cấp phối đá dăm.

- Không sử dụng các phương tiện chuyên chở đất quá cũ và không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải và phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển.

- Tiến hành san nền theo hình thức cuốn chiếu, san nền khu vực nào thì hoàn thành xong mới tiếp tục triển khai sang diện tích khác sẽ giảm diện tích phát tán bụi xung quanh.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tham gia thi công như mũ, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động...

- Tiến hành phun ẩm lên công trình trước, trong khi phá dỡ: Dùng các vòi phun nước để phun lên các vị trí máy đục, máy búa làm việc cũng như toàn bộ khu vực phá dỡ.

- Thực hiện phá dỡ nhanh, gọn, theo nguyên tắc phá đến đâu làm sạch ngay đến đó, phế thải được xúc bốc ngay lên xe ô tô vận chuyển đi đổ thải tại nơi quy định

- Đá dăm rải đường được làm ẩm đúng tiêu chuẩn: Khi rải cấp phối đá dăm, độ ẩm của cấp phối đá dăm với độ ẩm tốt nhất nhằm góp phần hạn chế lượng bụi phát sinh trong quá trình rải đá.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng tại công trường và khu vực lán trại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định (tần suất 2 lần/tuần).

- Chất thải rắn thông thường được phân loại:

- + Chất thải từ quá trình phát quang thảm thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau. Đối với chất thải không tận dụng được chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- + Đất đá đào, nạo vét hữu cơ:

- ++ Đất đào cấp 1, cấp 2 và phá đá phát sinh khoảng 23.634 m³ chủ dự án thực hiện xúc bốc trực tiếp lên xe, không cần lưu chứa tạm thời, sau đó vận chuyển đến bãi đổ thải của dự án

- ++ Đất đào cấp 3 sau khi tận dụng cho san lấp nền đường, đất đào dư thừa có tổng khối lượng khoảng 21.864 m³. Để tránh lãng phí chủ dự án sẽ tận dụng để san lấp các dự án khác, không đổ thải. Chủ dự án cam kết thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tiến hành vận chuyển đất cấp 3 dư thừa mang đi san lấp ngoài phạm vi dự án.

- + Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng: Chủ dự

án thực hiện xúc bốc trực tiếp lên xe, không cần lưu chứa tạm thời, sau đó vận chuyển đến bãi đổ thải của dự án.

+ Chất thải rắn xây dựng được thu gom, phân loại tại nguồn:

++ Các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton,... được thu gom và bán cho các đơn vị mua phế liệu.

++ Các loại chất thải tro như: Đất đá thải, gạch vỡ, ... sẽ được thu gom vận chuyển đến bãi đổ thải ngay trong ngày.

++ Đất đá rơi vãi từ vận chuyển trên đường: Tất cả các xe phải có bạt che phủ không để đất đá thải rơi vãi. Bố trí công nhân đi thu dọn nếu để xảy ra việc đất đá rơi vãi trên đường vận chuyển sau đó vận chuyển đến bãi đổ thải.

- Chủ dự án đã thỏa thuận với UBND xã Vân Sơn về việc thống nhất vị trí bãi đổ thải của dự án: Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

+ Vị trí đổ thải: Khu bãi rác xã Vân Sơn;

+ Diện tích khoảng 01ha;

+ Chiều cao cho phép đổ thải khoảng 15m;

+ Khoảng cách từ bãi đổ thải tới dự án khoảng 6km;

+ Đơn vị quản lý bãi đổ thải: UBND xã Vân Sơn, huyện Sơn Động.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Trang bị 05 thùng dung tích 100 lít để chứa chất thải nguy hại được dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/năm).

- Bố trí khu lưu giữ tạm thời CTNH 4m² (kho chứa có nền xi măng, mái lợp phibroximang, cửa lưới thép, có biển cảnh báo theo quy định) để lưu giữ chất thải nguy hại.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Bố trí phương tiện thi công ra vào khu vực thi công hợp lý, có cán bộ hướng dẫn, chỉ huy, giám sát hoạt động của các phương tiện thi công.

- Phân luồng giao thông, hạn chế tốc độ khi lưu lượng giao thông tham gia đông, đặc biệt là khu đông dân cư, trường học...

- Hạn chế tối đa lưu lượng phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu di chuyển trong khung giờ cao điểm; tránh gây xung đột, gia tăng phương tiện giao thông trong thời điểm buổi sáng từ 11h30-12h00, buổi chiều từ 5h30-6h00.

- Không chặt phá cây lâm nghiệp bừa bãi, không tiến hành khai thác lâm sản tại khu vực Dự án cũng như khu vực xung quanh.

- Tuyên truyền công nhân có ý thức trong việc bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng.

- Hạn chế những tác động không cần thiết đến các khu vực nhạy cảm về địa hình: Dễ sụt lún, trượt lở.

- Không đổ chất thải, phế thải tràn lan nhằm hạn chế ảnh hưởng đến môi trường đất, nước xung quanh.

- Sử dụng các thiết bị, máy móc đảm bảo chất lượng, đạt yêu cầu của Cục Đăng kiểm, không sử dụng máy móc cũ gây ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay nhớt cho các máy móc, thiết bị.

- Giảm tốc độ xe cộ, che chắn thùng xe có khả năng phát tán bụi,... khi vận chuyển qua khu dân cư để hạn chế các sự cố đáng tiếc ảnh hưởng đến dân cư như vấn đề tai nạn giao thông, các vấn đề ô nhiễm môi trường.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn

Các công trình tiêu thoát nước mưa, thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, đặc biệt là hệ thống rãnh thoát, hệ thống thu gom, các hố ga phải thường xuyên được duy tu sửa chữa bảo đảm tốt cho việc tiêu thoát nước. Tần suất dự kiến: 3 tháng/lần.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Định kỳ thu gom các loại chất bẩn trên bề mặt đường (đất, cát, rác) theo quy định.

- Trong mùa khô hanh hoặc nắng nóng kéo dài, đơn vị có chức năng tiến hành phun nước rửa đường bằng thiết bị chuyên dụng.

- Lắp đặt biển báo giảm tốc độ của phương tiện giao thông khi lưu thông trên đường theo quy định của ngành giao thông.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

- Tuyên truyền và yêu cầu người dân không vứt rác sinh hoạt ra lòng đường bằng cách lắp đặt các biển cấm vứt rác, không làm ảnh hưởng tới mỹ quan và môi trường sống tại khu vực.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình nạo vét rãnh thoát nước mưa

đọc tuyến, đơn vị quản lý thực hiện công tác nạo vét phải vận chuyển bùn đất đến khu vực đổ thải.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu các tác động này đối với do tiếng ồn từ dòng xe lưu thông trên đường, đơn vị tiếp nhận quản lý tuyến đường phối hợp lắp đặt biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ dòng xe, cấm dừng còi khi xe đi qua các khu vực đông dân cư nhằm giảm những ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung đến các hộ dân sinh sống 2 bên tuyến đường.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Khi tuyến đường đi vào hoạt động, chính quyền địa phương phối hợp cùng đơn vị quản lý và lực lượng chức năng tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn giao thông để nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành của nhân dân khi tham gia giao thông tuyến đường dự án.

- Cấm các biển báo giao thông, đèn tín hiệu dọc tuyến đường quy định tốc độ, loại xe chạy. Các biển báo, tín hiệu tương quan với mạng lưới đường khu vực

- Không để công trình kiến trúc lấn chiếm đất của đường giao thông; không để gia súc, động vật nuôi của các hộ dân ven đường đi ra đường gây cản trở giao thông.

- Phối hợp với các ban ngành liên quan thường xuyên kiểm tra, khảo sát các khu vực ven suối có nguy cơ sạt lở, ngập úng cục bộ trong mùa mưa lũ để lập kế hoạch ứng phó, xử lý.

- Đơn vị quản lý vận hành kết hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức người dân về an toàn giao thông đặc biệt là người dân sống ven tuyến đường.

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm lòng lề đường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng.

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT

b. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

Dự án không phát sinh nước thải, bụi khí thải trong quá trình vận hành do vậy dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công.

- Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Khối lượng đất đào tận dụng lại cho dự án và đất dư thừa vận chuyển đi, chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 832/TTr-TNMT ngày 19/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.